

Bản án số: **26/2024/DS-ST**;
Ngày: 10/5/2024;
V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Nhơ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du
Ông Trần Đức Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-DS ngày 19/4/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 21, phường H T T, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn S, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 21, phường H T T, quận C L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị Anh L; Địa chỉ: Tổ 21, phường H T T, quận C L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Võ Thị Khánh Hoà - Luật sư Văn phòng luật sư Rồng Việt - Chi nhánh Quảng Nam. (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn D, sinh năm 1943; Địa chỉ: Tổ 21, phường H T T, quận C L thành phố Đà Nẵng.

Người giám hộ: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 21, phường H T T, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn T L Đ II, xã H P, huyện H V, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn D S 2, xã H C, huyện H V, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Ông Nguyễn N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 21, phường H T T, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Bà Lê Thị Anh L; Địa chỉ: Tổ 21, phường H T T, quận C L, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ: Cha bà là ông Nguyễn D và mẹ bà là cụ bà Lê Thị C(sinh năm 1949, mất năm 2014), cha mẹ bà có 05 người con là Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị C, Nguyễn S, Nguyễn N và Nguyễn Thị L.

Cụ bà Lê Thị C có cha là Lê Văn T (sinh năm 1910, chết năm 1961), mẹ là cụ Nguyễn Thị Q (sinh năm 1912, chết năm 1958).

Sinh thời khi còn sống mẹ bà cụ Lê Thị C có cùng với cha ông Nguyễn D tạo lập được một khối tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 50; diện tích 100 m², địa chỉ thửa đất tại tổ 22 (nay là tổ 21) phường H T T, quận C L, thành phố Đà Nẵng. Nhà và đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR779525 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/4/2014 cho ông Nguyễn D và bà Lê Thị C.

Mẹ bà chết năm 2014 không để lại di chúc,

Nay cha bà là ông Nguyễn D già yếu, hiện đang nhập viện để điều trị bệnh chấn thương sọ não, hiện gia đình đã hết khả năng chi trả tiền viện phí để cha bà Đ điều trị bệnh. Gia đình đã thỏa thuận với nhau về việc bán tài sản để lo viện phí cho ông Nguyễn D nhưng em bà là ông Nguyễn S không đồng ý.

Theo Chứng thư thẩm định giá số: 5230245/CT-BTCVALUATION của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính BTC Miền Trung về kết quả giá trị tài sản thẩm định giá theo giá thị trường như sau:

- Giá trị quyền sử dụng đất: 1.285.841.851 đồng (diện tích thửa đất 100,2m²; đơn giá đất 12.832.753 đồng/m²)

- Giá trị công trình xây dựng: 471.364.604 đồng.

Tổng giá trị tài sản tranh chấp: 1.757.206.455đ (một tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu hai trăm lẻ sáu ngàn bốn trăm năm mươi lăm đồng).

Bà Đ không có ý kiến gì về kết quả định giá tài sản và đề nghị lấy giá này để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Cho đến nay gia đình tôi không thỏa thuận được việc chia thừa kế tài sản do mẹ bà là cụ bà Lê Thị C để lại nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Chia thừa kế do cụ bà Lê Thị C để lại là $\frac{1}{2}$ nhà đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 50; diện tích 100,2m², địa chỉ thửa đất tại tổ 22 (nay là tổ 21) phường H T T, quận C L, thành phố Đà Nẵng theo pháp luật cho 06 người gồm ông Nguyễn D và 05 năm mỗi người một kỹ phần bằng nhau.

2. Đề nghị gia hiện vật cho ông Nguyễn D được nhận để cha tôi toàn quyền quyết định tài sản vì hiện tại cha tôi đã sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản, kỹ phần của cha tôi chiếm tỷ lệ cao,

* Tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn S trình bày:

Về hàng thừa kế, di sản thừa kế của mẹ ông là cụ bà Lê Thị C để lại ông thống nhất. Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ thì ông không đồng ý bởi vì ngày 03/3/2019 gia đình đã thống nhất và cam kết tài sản này không được bán và chỉ để lại thờ cúng, anh chị em ai muốn về đó ở thì ở chứ không được chia, do vậy, ông không đồng ý việc chia thừa kế mà nguyên đơn đề nghị.

* Tại phiên hòa giải những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị C và Nguyễn N thống nhất trình bày:

Các ông bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Đ về hàng thừa kế và di sản thừa kế của mẹ các ông bà là cụ bà Lê Thị C để lại. Nay bà Đ khởi kiện, ông bà thống nhất với việc chia di sản thừa kế, bà C và ông N trước đây đề nghị để lại thờ cúng nhưng nay cha của ông bà là ông Nguyễn D đã già, ông S đánh cha, đánh bà Đ, làm ông Nguyễn D ốm yếu, nhập viện trước giờ. Do lo viện phí nên gia đình đã kiệt quệ về kinh tế nên đề nghị Tòa án chia thừa kế để ông Nguyễn D để có tiền lo thuốc thang khi ốm đau lúc tuổi già.

* Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Anh L trình bày: Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Lê Thị C do năm 2019 gia đình đã họp và ký biên bản thống nhất để nhà đất trên lại để làm nơi thờ cúng. Trong trường hợp Tòa án giải quyết việc phân chia di sản của bà Lê Thị C, đề nghị trích trả lại cho số tiền 50 triệu đồng, là số tiền vợ chồng bà đã bỏ ra để sửa chữa tầng 2 và lợp mái tôn.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn S:

Đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ, vì các lẽ sau: Phần di sản của bà Lê Thị C đã được định đoạt bằng Biên bản họp gia đình năm 2019; Bà Nguyễn Thị Đ không có quyền yêu cầu phân chia di sản thừa kế. Cho đến hiện tại, đây là thỏa thuận duy nhất của gia đình ông D về việc định đoạt nhà đất tại tổ 21. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có đương sự nào yêu cầu hủy nội dung Biên bản họp gia đình năm 2019. Người duy nhất không ký vào biên bản là bà Nguyễn Thị L, tuy nhiên bà L cũng không yêu cầu xem xét tính pháp lý của Biên bản này. Từ khi lập Biên bản họp gia đình năm 2019 đến nay là đã 05 năm, tuy nhiên không có đương sự nào có yêu cầu hủy tính pháp lý của văn bản này. Do đó, căn cứ

khoản 2 Điều 132 BLDS năm 2015 nêu trên, Biên bản họp gia đình năm 2019 có hiệu lực pháp lý. Hơn nữa, bản thân bà Nguyễn Thị Đ là người khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, mặc dù bà đã thống nhất và ký vào Biên bản họp gia đình năm 2019. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Đ lại không yêu cầu hủy nội dung của Biên bản này. Như vậy, có thể thấy bà Đ đã thừa nhận tinh thần và nội dung của Biên bản họp gia đình năm 2019: Để nhà và đất tại Tổ 21 Hòa Thọ Tây làm nhà thờ, giao cho ông Nguyễn S quản lý; Yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ về việc giao nhà cho ông D và ông D thôi trả tiền cho các đồng thừa kế khác là hoàn toàn không vì lợi ích của ông D; Lý do bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu chia thừa kế để trang trải cuộc sống là không chính đáng. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong vụ án, mục đích bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Chi để lại là sẽ bán nhà đất lấy tiền lo cho cha. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh nhu cầu thực tế hiện nay: Ông D và bà Đ chỉ có một chỗ ở duy nhất là nhà đất tại tổ dân phố 21. Bản thân ông Nguyễn D già yếu, mất năng lực hành vi dân sự, không thể đi lại được. Việc bán nhà chỉ để trả khoản tiền viện phí khoảng 17 triệu đồng là hoàn toàn không cần thiết, lại còn dồn ông Nguyễn D vào thế không nhà cửa, không nơi thờ tự sau này. Hơn nữa, hiện nay hàng tháng ông D cũng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng theo Nghị định 20/2021 ngày 15/3/2021 của Chính phủ. Ông D chỉ nhập viện 1 tháng từ ngày 04/01/2023 đến ngày 03/02/2023. Sau thời gian này ông D chỉ ở nhà ăn uống, không nhập viện điều trị, cũng không tốn kém thuốc men gì.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về nội dung: căn cứ Điều 46, 47, 48, 57, 58, 59, 609, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 BLDS năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc về việc yêu cầu

+ Chia thừa kế tài sản do bà Lê Thị C để lại là $\frac{1}{2}$ nhà đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 50; diện tích 100,2m², địa chỉ thửa đất tại tổ 22 (nay là tổ 21) phường H T T, quận C L, thành phố Đà Nẵng theo pháp luật cho 06 người gồm ông Nguyễn D và 05 người con mỗi người một kỷ phần bằng nhau.

+ Giao $\frac{1}{2}$ nhà và đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 50 là di sản thừa kế của bà Lê Thị Chi cho ông Nguyễn D quản lý, sử dụng; ông D có nghĩa vụ thôi trả lại cho các đồng thừa kế là ông Nguyễn S, ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Đ mỗi người 01 kỷ phần thừa kế là 146.438.871 đồng. Bà Đ là người giám hộ của ông D thay mặt ông D thực hiện việc thôi trả số tiền cho các đồng thừa kế còn lại

theo kỹ phần được chia trong khối tài sản thuộc quyền quản lý của ông D. Bà Đ được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất đứng tên ông Nguyễn D theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Anh L – đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu trích trả cho vợ chồng bà số tiền 50.000.000 đồng là khoản tiền ông bà vay để sửa chữa tầng 2 và lợp mái tôn. Tuy nhiên, bà L không chứng minh được khoản vay sử dụng với mục đích để tu sửa, tôn tạo nhà. Bà L cũng thừa nhận tự ý tu sửa nhà mà không được sự đồng ý của ông D. Đồng thời, các đương sự khác cũng không thừa nhận lời khai của bà L và cho rằng vợ chồng bà L tự ý sửa chữa, không thông báo với ai, không được sự đồng ý của ông D nên không có cơ sở để chấp nhận khai nại của bà L về việc thanh toán khoản chi phí này.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Đ có đơn khởi kiện “Tranh chấp chia di sản thừa kế” đối với ông Nguyễn S, ông Nguyễn S có địa chỉ cư trú tại tổ 21, phường Hòa T T, quận C Lệ, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với các quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về di sản thừa kế: Nhà và đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 50; diện tích 100,2m², địa chỉ thửa đất tại tổ 22 (nay là tổ 21) phường H T T, quận C , thành phố Đà Nẵng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR779525 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/4/2014 cho ông Nguyễn D và bà Lê Thị C. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự xác định nhà đất do bố mẹ là ông Nguyễn D và bà Lê Thị C xây dựng nên. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định ½ giá trị nhà đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 50; diện tích 100,2m², địa chỉ thửa đất tại tổ 22 (nay là tổ 21) phường H T T, quận C L, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế do cụ bà Lê Thị C để lại.

[3] Về hàng thừa kế: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ cùng bị đơn ông Nguyễn S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà L ông N và bà C cùng thống

nhất ông Nguyễn D và bà Lê Thị C có 05 người con gồm bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn S và ông Nguyễn N. Ngoài ra, cụ Lê Thị C không có con riêng, con nuôi nào khác, cha mẹ cụ Lê Thị C đã mất từ lâu. Về hàng thừa kế các bên đương sự không tranh chấp nên HĐXX xác định, hàng thừa kế của cụ Lê Thị C gồm ông Nguyễn D và 05 người con như nêu trên.

[4] Về yêu cầu chia di sản thừa kế:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị L đều thống nhất giữ nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ bà Lê Thị C để lại. Các ông, bà trình bày hiện trạng tình hình sức khỏe của ông Nguyễn D đau ốm liên tục, thường xuyên nhập viện, gia đình là hộ nghèo, không có khả năng chi trả thuốc thang cho ông D. Bà Đ và các con đều là lao động phổ thông, thu nhập thấp nên nguyện vọng được chia tài sản thừa kế của bà Lê Thị C để lại để chăm lo cho cha là ông Nguyễn D. Ông Nguyễn S không đồng ý yêu cầu chia tài sản thừa kế của bà Lê Thị C để lại và trình bày năm 2019 gia đình đã thống nhất và cam kết tài sản này không được bán và chỉ để lại thờ cúng, anh chị em ai muốn về đó ở thì ở chứ không được chia. Xét yêu cầu của các bên đương sự thì thấy: Nhà đất số 52, tờ bản đồ số 50; diện tích 100,2m², địa chỉ thửa đất tại tổ 22 (nay là tổ 21) phường H T T, quận C L, thành phố Đà Nẵng là tài sản do ông Nguyễn D và bà Lê Thị C tạo lập nên, năm 2014 bà Lê Thị C chết không để lại di chúc. Theo biên bản họp gia đình năm 2019 *“Đồng ý cho vợ chồng ông Nguyễn S ở trong ngôi nhà này để lo cho cha mẹ, cả chị Đ khi ốm đau. Sau này cha có mất đi mới giao giấy tờ nhà cho vợ chồng anh S để làm nhà thờ cha mẹ, không được bán cho ai cả, không được thế chấp. Sau này con cháu anh chị em về thăm viếng cha mẹ là bình thường....”* như vậy, biên bản không có nội dung định đoạt về phần di sản của cụ bà Lê Thị C để lại, ngoài ra biên bản không có bà Nguyễn Thị Liên là con gái của cụ Lê Thị C ký vào. Do đó ý kiến của ông Nguyễn S không đồng ý chia di sản thừa kế do phần di sản thừa kế của cụ bà Lê Thị C đã được định đoạt trong biên bản họp gia đình là không có căn cứ mà cần chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ, chia di sản thừa kế của cụ bà để lại thành 06 phần, ông Nguyễn D và 05 người con mỗi người một kỷ phần bằng nhau.

[5] Theo kết quả của Chứng thư thẩm định giá số: 5230245/CT-BTCVALUATION của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính BTC Miền Trung về kết quả giá trị tài sản thẩm định giá theo giá thị trường như sau: Giá trị quyền sử dụng đất: 1.285.841.851 đồng (diện tích thửa đất 100,2m²; đơn giá đất 12.832.753 đồng/m²; Giá trị công trình xây dựng: 471.364.604 đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp: 1.757.206.455đ (một tỷ, bảy trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm lẻ sáu ngàn, bốn trăm năm mươi lăm đồng). Tại phiên tòa và quá trình tham gia tố tụng, các

đương sự không có ý kiến gì với kết quả định giá nêu trên. Khối tài sản trên do ông Nguyễn D và bà Lê Thị C tạo lập nên, là tài sản chung của vợ chồng. Do vậy, HĐXX xác định giá trị di sản cụ Lê Thị C để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất trên (1.757.206.455 đồng : 2 = 878.603.227 đồng).

[6] Tại phiên tòa, bà Lê Thị Anh L trình bày sau khi có biên bản họp gia đình năm 2019, vợ chồng bà có vay mượn số tiền 50 triệu đồng để sửa chữa lại tầng 2, lợp mái tôn, bà yêu cầu nếu chia si sản thừa kế thì phải trích trả cho vợ chồng bà số tiền trên. Tuy nhiên bà Đ, bà L, bà C và ông N cho rằng việc vợ chồng ông S, bà Lê sửa chữa tầng 2 và mái tôn là để gia đình ông bà ở, khi sửa sang ông bà cũng không xin phép ông D và không thông báo với ai, do đó không chấp nhận trích trả cho bà Lê số tiền trên.

[7] Di sản của cụ bà Lê Thị C là 878.603.227 đồng. Năm 2014 cụ Lê Thị C chết, cha mẹ cụ đã chết trước từ lâu. Do đó giá trị di sản của cụ Lê Thị C để lại được chia cho chồng là ông Nguyễn D và 05 người con là: Nguyễn Thị Đ, Nguyễn S, Nguyễn N, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị C, mỗi kỹ phần được hưởng tương đương với số tiền 878.603.227 đồng : 6 = 146.433.871 đồng.

[8] Về việc giao hiện vật: Di sản cụ Lê Thị C để lại không thể chia được bằng hiện vật, $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất còn lại thuộc về ông Nguyễn D. HĐXX xét thấy, việc giao hiện vật cho ông D được quản lý sử dụng là phù hợp, ông Nguyễn D có trách nhiệm bồi trả kỹ phần bằng tiền cho các đồng thừa kế khác

[9] Ông Nguyễn D có nghĩa vụ bồi trả cho các con là Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị L, Nguyễn S và Nguyễn N mỗi người số tiền 146.433.871 đồng. Tuy nhiên ông D hiện đang mất năng lực hành vi dân sự có bà Nguyễn Thị Đ là con gái ruột là người giám hộ. HĐXX căn cứ vào Điều 58 của BLDS qui định “Người đại diện cho người được giám hộ trong việc xác lập thực hiện giao dịch dân sự và thực hiện các quyền khác theo qui định pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người giám hộ”.

[10] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp luật của ông Nguyễn S đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào biên bản họp gia đình năm 2019, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ. Tuy nhiên biên bản này không có chữ ký bà Nguyễn Thị L, tại phiên tòa bà L không đồng ý với nội dung biên bản họp gia đình, mặc dù vợ chồng ông S đã cầm biên bản họp gia đình lên tới nhà bà yêu cầu bà ký nhưng bà vẫn không đồng ý. Do đó HĐXX không chấp nhận đề nghị của luật sư cho rằng biên bản họp gia đình có hiệu lực pháp luật.

[12] Về án phí:

Ông Nguyễn D, ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn N phải chịu án phí trên số tiền được nhận là $(5\% \times 146.433.871 \text{ đồng}) = 7.321.693 \text{ đồng}$.

Tuy nhiên do ông D là người cao tuổi, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn N thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và có yêu cầu được miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp số tiền án phí trên.

Chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng; chi phí thẩm định giá tài sản 12.000.000đ. Tổng cộng: 14.000.000 đồng. Ông Nguyễn D, ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn N mỗi người phải chịu trên giá trị di sản được chia là $14.000.000 : 6 = 2.333.333 \text{ đồng}$.

Bà Nguyễn Thị Đ đã chi xong nên ông D, ông S, ông N, bà L, bà C mỗi người phải trả lại cho bà Đ số tiền 2.333.333 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147, Điều 161, Điều 165, Điều 184, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 46, 47, 48, 57, 58, 59, 609, 612, 613, 623; 649; 650; 651; 652 và khoản 2 Điều 658, Điều 660 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với bị đơn ông Nguyễn S.

Tuyên xử:

1. Công nhận $\frac{1}{2}$ nhà và đất nhà và đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 50; diện tích $100,2\text{m}^2$, địa chỉ thửa đất tại tổ 22 (nay là tổ 21) phường H T T, quận C L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR779525 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/4/2014 cho ông Nguyễn D và bà Lê Thị C là di sản thừa kế của cụ bà Lê Thị C.

2. Về giao hiện vật: Giao cho ông Nguyễn D được quyền sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ nhà đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 50; diện tích $100,2\text{m}^2$, địa chỉ thửa đất tại tổ 22 (nay là tổ 21) phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR779525 do Sở Tài

nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/4/2014 là di sản thừa kế do cụ bà Lê Thị C để lại.

Ông Nguyễn D được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật. Ông Nguyễn D hiện nay đang mất năng lực hành vi. Bà Nguyễn Thị Đ là người đại diện cho người được giám hộ là ông Nguyễn D trong việc xác lập thực hiện giao dịch dân sự và thực hiện các quyền khác theo qui định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được giám hộ theo Điều 48 Bộ luật dân sự.

3. Về nghĩa vụ thôi trả:

Ông Nguyễn D có nghĩa vụ thôi trả cho ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn N mỗi người số tiền 146.433.871 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ là người đại diện cho người được giám hộ là ông Nguyễn D trong việc xác lập thực hiện giao dịch dân sự và thực hiện các quyền khác theo qui định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được giám hộ theo Điều 48 Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được qui định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn D, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn S và ông Nguyễn N.

4.2. Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.321.693 đồng.

5. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng; chi phí Chi phí thẩm định giá tài sản 12.000.000đ. Tổng cộng: 14.000.000 đồng. Ông Nguyễn D, ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Liên, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn N mỗi người phải chịu trên giá trị di sản được chia là $14.000.000 : 6 = 2.333.333$ đồng. Bà Nguyễn Thị Đ đã chi xong nên ông D, ông S ông N, bà L, bà C mỗi người phải trả lại cho bà Đ số tiền 2.333.333 đồng

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng;
- CCTHADS quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Văn Nhớ